

Số: 1501-2024/CBTT-HAH

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM

- Tên tổ chức : CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN
- Mã chứng khoán : HAH
- Địa chỉ : Tầng 7, số 45, Phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024.39877515
- Fax : 024.39444022
- Email : info@haiants.vn
- Nội dung thông tin công bố:
"Báo cáo Tài chính Hợp nhất Quý IV năm 2023" của Công ty cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/01/2024 tại đường dẫn www.haiants.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
- Báo cáo Tài chính Hợp nhất Quý IV năm 2023

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Ngọc Minh

Số: 1301 -2024/QHCD-HATS

Hà Nội, ngày 29 tháng 01 năm 2024

BẢN GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH KQKD QUÝ 4 NĂM 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần vận tải và xếp dỡ Hải An

Địa chỉ: Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Mã chứng khoán: HAH

Giấy chứng nhận đăng ký doanh số 0103818809 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 08/05/2009 và cấp thay đổi lần thứ 16 ngày 25/8/2023.

Chúng tôi xin giải trình kết quả kinh doanh Quý 4 năm 2023 biến động tăng/giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Quý 4.2023	Quý 4.2022	Chênh lệch
BCTC hợp nhất				
- Doanh thu thuần	đồng	664,764,301,616	845,365,455,294	-21.36%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	đồng	62,973,825,004	171,486,516,073	-63.28%
BCTC công ty mẹ				
- Doanh thu thuần	đồng	285,592,398,701	358,145,457,857	-20.26%
- Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	đồng	76,579,643,356	137,405,920,939	-44.27%

Nguyên nhân dẫn đến KQKD quý 4 năm nay giảm 63,28% (BC hợp nhất) và 44,27% (BC công ty mẹ) so với quý 4 năm trước:

+ Giá cước biển giảm, giá cho thuê tàu giảm so với cùng kỳ năm trước dẫn tới lợi nhuận hoạt động khai thác tàu giảm mạnh.

+ Tiếp tục ghi nhận lỗ kinh doanh từ công ty liên doanh Zim Hải An do công ty mới thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 3/2023.

Chúng tôi cam đoan những thông tin giải trình trong bản này là chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Louán

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XÉP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố Triệu Việt Vương, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV NĂM 2023

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hảo

Hà Nội, tháng 01 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT QUÝ IV

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,596,940,785,011	1,744,506,986,111
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	245,416,444,931	415,481,021,778
1. Tiền	111		122,266,444,931	290,981,021,778
2. Các khoản tương đương tiền	112		123,150,000,000	124,500,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		72,500,000,000	140,099,281,797
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	72,500,000,000	140,099,281,797
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,005,228,758,884	978,676,238,299
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	228,020,201,375	238,251,488,945
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	439,868,851,874	321,203,215,652
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	50,000,000,000	50,000,000,000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	289,531,373,350	371,209,860,938
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(2,191,667,715)	(1,988,327,236)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		93,300,310,891	78,439,535,424
1. Hàng tồn kho	141	V.8	93,300,310,891	78,439,535,424
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		180,495,270,305	131,810,908,813
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	19,607,419,688	12,365,621,719
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		125,143,567,858	101,730,668,217
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		35,744,282,759	17,714,618,877
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3,772,171,642,062	3,304,912,510,965
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		113,018,300,000	112,894,400,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	113,018,300,000	112,894,400,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		3,117,716,025,658	2,744,063,079,887
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	2,868,563,423,715	2,406,762,893,450
<i>Nguyên giá</i>	222		4,197,228,766,663	3,450,370,577,585
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1,328,665,342,948)	(1,043,607,684,135)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.11	245,994,150,746	333,830,175,290
<i>Nguyên giá</i>	225		439,180,122,735	439,180,122,735
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(193,185,971,989)	(105,349,947,445)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	3,158,451,197	3,470,011,147
<i>Nguyên giá</i>	228		14,438,287,885	14,155,927,885
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(11,279,836,688)	(10,685,916,738)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		30,167,374,406	45,414,706,626
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	30,167,374,406	45,414,706,626
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		168,821,946,260	140,466,192,045
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	148,371,079,760	120,015,325,545
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	20,450,866,500	20,450,866,500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		342,447,995,738	262,074,132,407
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	342,447,995,738	262,074,132,407
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		5,369,112,427,073	5,049,419,497,076

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2,182,998,148,829	2,162,498,791,622
I. Nợ ngắn hạn	310		889,268,604,489	910,335,413,837
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	155,471,878,927	148,426,643,717
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	976,415,726	1,358,601,123
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	91,683,974,789	117,649,089,139
4. Phải trả người lao động	314		31,759,276,137	39,028,845,672
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	18,766,015,749	34,213,271,504
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	4,306,751,216	12,487,777,112
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a	108,285,806,938	169,312,336,585
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	351,407,353,871	317,706,778,434
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	2,648,342,710	2,648,342,710
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	123,962,788,426	67,503,727,841
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1,293,729,544,340	1,252,163,377,785
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		711,882,200	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	257,625,260,000	247,740,000,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	1,035,392,402,140	1,004,423,377,785
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3,186,114,278,244	2,886,920,705,454
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.23	3,186,114,278,244	2,886,920,705,454
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1,055,168,810,000	703,446,670,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,055,168,810,000	703,446,670,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		191,640,648,159	191,640,648,159
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		663,573,756,538	390,548,782,590
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		752,863,357,219	1,025,370,124,082
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		367,962,729,910	1,025,370,124,082
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		384,900,627,309	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		522,867,706,328	575,914,480,623
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5,369,112,427,073	5,049,419,497,076

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT QUÝ III

(Dạng đầy đủ)

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VL.1	664,764,301,616	845,365,455,294	2,612,689,733,658	3,205,610,066,164
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		664,764,301,616	845,365,455,294	2,612,689,733,658	3,205,610,066,164
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	551,616,816,677	574,489,804,568	2,001,669,157,746	1,783,865,288,872
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		113,147,484,939	270,875,650,726	611,020,575,912	1,421,744,777,292
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	6,941,891,534	43,875,425,312	30,087,417,514	38,702,889,553
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	24,305,764,334	52,468,235,328	83,670,942,449	76,323,593,746
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16,769,888,733	20,821,776,049	73,417,916,473	37,775,314,140
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		6,726,560,864	(188,941,016)	28,355,754,215	29,339,272,188
9. Chi phí bán hàng	25					
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.5	33,297,720,833	31,613,925,297	125,332,377,450	113,764,933,866
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		69,212,452,170	230,479,974,397	460,460,427,742	1,299,698,411,421
12. Thu nhập khác	31	VL.6	7,149,623,860	1,721,116,863	14,143,023,915	5,603,455,788
13. Chi phí khác	32	VL.7	9,976,565,384	469,921,613	11,153,674,709	32,885,613,998
14. Lợi nhuận khác	40		(2,826,941,524)	1,251,195,250	2,989,349,206	(27,282,158,210)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		66,385,510,646	231,731,169,647	463,449,776,948	1,272,416,253,211
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	13,827,252,721	42,199,639,911	92,218,506,619	231,623,019,508
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52					
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		52,558,257,925	189,531,529,736	371,231,270,329	1,040,793,233,703
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		62,973,825,004	171,486,516,073	384,900,627,309	821,937,122,836
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(10,415,567,079)	18,045,013,663	(13,669,356,980)	218,856,110,867
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.8	545	2,037	3,367	7,471
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL.8	545	2,037	3,367	7,471

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Trần Thị Thanh Hào



Trần Thị Thanh Hào



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT QUÝ IV

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		463,449,776,948	1,272,416,253,211
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		334,555,244,927	278,066,256,436
- Các khoản dự phòng	03		203,340,479	(57,767,079)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.9	2,610,517,193	13,540,702,178
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(22,096,076,338)	(25,194,563,826)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	73,417,916,473	57,167,219,413
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		852,140,719,683	1,595,938,100,333
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		63,168,625,503	(322,175,529,880)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(14,860,775,467)	(30,019,901,157)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		358,521,802,227	332,960,334,249
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(87,615,661,300)	(7,558,190,204)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(75,016,070,945)	(55,579,474,333)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(139,738,337,984)	(209,255,547,886)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		0	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(14,139,302,400)	(9,591,441,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		942,460,999,317	1,294,718,350,122
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(866,018,761,338)	(1,603,780,909,743)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1,838,363,635	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2a	67,599,281,797	(429,550,328,521)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	363,824,027,151
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b	-	(17,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		20,649,914,488	25,219,332,244
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(775,931,201,418)	(1,661,287,878,869)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	22,593,900,000	20,488,500,000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	515,649,938,722	716,284,525,841
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(368,621,644,653)	(292,538,213,929)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(91,395,978,489)	(76,445,954,186)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(415,112,340,000)	(68,559,959,300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(336,886,124,420)	299,228,898,426
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(170,356,326,521)	(67,340,630,321)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	415,481,021,778	484,732,416,770
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		291,749,674	(1,910,764,671)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	245,416,444,931	415,481,021,778

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Vận tải, bốc xếp hàng hóa cảng biển và các dịch vụ liên quan đến vận tải.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 06 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Ngày 04 tháng 8 năm 2022, Công ty TNHH Cảng Hải An – Công ty con mua thêm 10% vốn của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An, tăng tỷ lệ vốn nắm giữ tại công ty này lên 60%. Mục đích của việc mua thêm vốn của Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An là mở rộng hoạt động và hoàn thiện chuỗi cung ứng của Tập đoàn.

Trong kỳ, Công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty TNHH Liên doanh Zim Hải An với tỷ lệ góp vốn là 51% vốn điều lệ.

5b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	54,85%	54,85%	54,85%	54,85%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%	51%
Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An (i)	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố	Dịch vụ đại lý	60%	60%	60%	60%

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cp dịch vụ tổng hợp Hải An (ii)	Hải Phòng Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ bốc xếp, vận tải bộ	40,82%	40,82%	68,03%	68,03%
Công ty TNHH liên doanh Zim Hải An	Tầng 2 tòa nhà Đinh Vũ Plaza thuộc Khu dịch vụ cuối tuyến Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	51%		51%	

(i) Là công ty con của Công ty con – Công ty TNHH Cảng Hải An từ tháng 8/2022.

(ii) Là công ty con của Công ty TNHH đại lý và tiếp vận Hải An.

5c. Danh sách các Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Văn phòng 3B, tầng 3, tòa nhà Green Pearl, số 378 Minh Khai, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.	Dịch vụ vận tải hàng hóa	36,16%	36,89%	36,16%	36,89%
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên (*)	Lô đất KB2.11, khu công nghiệp MP Đinh Vũ, P.Đông Hải 2, Q.Hải An, TP.Hải Phòng, VN	Dịch vụ vận tải	17,17%	17,17%	34%	34%

(*) Là Công ty liên kết của Công ty con – Công ty TNHH vận tải Container Hải An

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 600 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 580 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định đối với nguyên vật liệu, hàng hóa; bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu. Các chi phí trả

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm trả trước thể hiện khoản tiền phí bảo hiểm đã trả cho các kỳ sau. Chi phí bảo hiểm trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian bảo hiểm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (498 tháng).

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	3-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-8
Tài sản cố định khác	4-10

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính là container là 05 năm.

12. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Tập đoàn ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Tập đoàn hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp chỉ bao gồm thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4,717,598,500	4,966,014,297
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	117,548,846,431	286,015,007,481
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	123,150,000,000	124,500,000,000
Cộng	245,416,444,931	415,481,021,778

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng	Giá gốc	Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	Cộng
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (i)	1,494,000,000	32,185,376,357	33,679,376,357	1,494,000,000	28,753,878,905	30,247,878,905
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên (ii)	85,000,000,000	29,691,703,403	114,691,703,403	85,000,000,000	4,767,446,640	89,767,446,640
Cộng	86,494,000,000	61,877,079,760	148,371,079,760	86,494,000,000	33,521,325,545	120,015,325,545

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0108111428 thay đổi lần thứ 6 ngày 09/08/2023, Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An là 42.965.000.000 VND, tương ứng 4.296.500 cổ phần. Công ty sở hữu 1.553.760 cổ phần của Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC), chiếm 36,16% vốn điều lệ của Công ty này.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0202133595 thay đổi lần đầu ngày 14 tháng 01 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty Cổ phần Vận tải Biển An Biên có vốn điều lệ là 250.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty TNHH vận tải container Hải An đã đầu tư 85.000.000.000 VND, sở hữu 8.500.000 cổ phần, tương đương 34% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Vận tải Biển An Biên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận được chia trong kỳ	Điều chỉnh ghi nhận lãi liên kết	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	30,247,878,905	6,419,497,452	(2,988,000,000)		33,679,376,357
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên	89,767,446,640	29,691,703,403	-	(4,767,446,640)	114,691,703,403
Cộng	120,015,325,545	36,111,200,855	(2,988,000,000)	(4,767,446,640)	148,371,079,760

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Tập đoàn với các công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên		
Cung cấp dịch vụ cho cty liên kết	18,324,123,250	24,649,356,079
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ		38,652,085,953
Góp vốn vào Công ty liên kết		17,000,000
Nhận góp vốn BCC		13,000,000,000
Góp vốn BCC vào công ty liên kết		106,410,150,000
Công ty liên kết cho vay tiền	25,000,000,000	
Nhận lợi nhuận BCC	45,551,373,836	33,313,351,229
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An		
Doanh thu cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	97,872,580,513	185,541,197,737
Công ty liên kết cung cấp dịch vụ	6,445,630,983	15,168,193,946
Nhận góp vốn BCC	9,885,260,000	8,440,000,000
Chi trả lợi nhuận BCC	11,492,203,539	19,972,012,296
Công ty liên kết chia lợi nhuận	2,988,000,000	1,045,800,000

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Giá gốc
	Dự phòng	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức ⁽ⁱ⁾	20,000,000,000	20,000,000,000
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô ⁽ⁱⁱ⁾	450,000,000	450,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864,000	864,000
Công ty Cổ phần MHC	2,500	2,500
Cộng	20,450,866,500	20,450,866,500

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105430472 thay đổi lần thứ 11 ngày 02/11/2021 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ 120.000.000.000 VND, Tập đoàn đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức số tiền 20.000.000.000 VND, tương ứng 16,67% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201796751 ngày 03 tháng 7 năm 2017 thay đổi lần thứ nhất ngày 24 tháng 5 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty Cổ phần Cung ứng Thuyền viên Đông Đô có vốn điều lệ 3.500.000.000 VND, tương đương 350.000 cổ phần. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn sở hữu 63.000 cổ phần, tương đương 18% vốn điều lệ của Công ty này, không biến động so với số đầu năm.

Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	25,274,038,701	44,960,584,702
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	16,172,936,363	32,964,369,875
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	987,666,183	2,158,186,705
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	4,762,625,398	9,838,028,122
Công ty CP vận tải biển An Biên	3,350,810,757	
Phải thu các khách hàng khác	202,746,162,674	193,290,904,243
OCEAN NETWORK EXPRESS PTE. LTD.,	13,756,978,179	14,183,505,805
Megatop Agency Limited	9,846,595,662	7,584,991,931
Công ty TNHH Hapag-Lloyd Việt Nam	19,404,696,182	27,413,613,734
CÔNG TY TNHH SCG INTERNATIONAL VIỆT NAM		1,436,325,600
Công Ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Đông Á	5,931,210,024	6,339,070,988
HMM CO., LTD	240,800,000	397,923,180
APL Logistics Ltd	3,901,517,783	4,943,375,139
ZIM INTEGRATED SHIPPING AGENCIES (HK) LTD	8,438,867,428	
GOLD STAR LINE LIMITED	17,834,334,000	
Các khách hàng khác	123,391,163,416	130,992,097,866
Cộng	228,020,201,375	238,251,488,945

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	439,868,851,874	321,203,215,652
Công ty TNHH Thương mại Tân Hồng		11,659,791,000
Huanghai Shipbuilding Co., Ltd.	434,925,760,600	304,051,069,400
ASL Shipyard Pte Ltd		1,181,056,000
Các nhà cung cấp khác	4,943,091,274	4,311,299,252
Cộng	439,868,851,874	321,203,215,652

5. Phải về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Ông Lê Phong Hiếu vay để nộp tiền thuê đất 1 lần cho Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mà hiện nay hai bên đang hợp tác.

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

6a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	72,258,218,254	73,542,425,666
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C - Kết quả hoạt động BCC		17,853,745,525
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức – Kết quả hoạt động BCC (*)		1,788,831,231
Công ty Cổ Phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà – Kết quả hoạt động BCC (*)		3,569,020,767
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên – Kết quả hoạt động BCC	72,118,465,223	50,026,265,182
Công ty CP giao nhận vận tải Hải An		
Các khoản chi hộ	139,753,031	304,562,961
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	217,273,155,096	297,667,435,272
Lãi tiền gửi dự thu	141,147,946	
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (*)	124,529,026,376	124,423,676,376
Ký cược, ký quỹ	3,511,053,440	11,828,370,000
Tạm ứng	4,592,598,778	1,070,895,906
Tạm tính doanh thu	6,392,173,714	22,230,090,244
Sự cố tàu HA City	73,925,261,495	133,976,708,530
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4,181,893,347	4,137,694,216
Cộng	289,531,373,350	371,209,860,938

(*) Là khoản đặt cọc cho Ông Lê Phong Hiếu và Bà Đỗ Thị Hải Yến theo Hợp đồng đặt cọc số 01/HĐĐC ngày 06 tháng 12 năm 2017 và Phụ lục hợp đồng đặt cọc số 01/PLHĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Dự án "Bãi container và dịch vụ cảng" đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cho phép chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê còn lại với diện tích 310.507,9 m² theo Quyết định số 238/QĐ-UBND ngày 14 tháng 4 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

và cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BN 981472 ngày 29/05/2020.

6b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	112,820,400,000	112,820,400,000
Công ty CP vận tải biển An Biên - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh (*)	112,820,400,000	112,820,400,000
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	197,900,000	74,000,000
Ký cược, ký quỹ	197,900,000	74,000,000
Cộng	113,018,300,000	112,894,400,000

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm			
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Các bên liên quan						
Các tổ chức và cá nhân khác	-	2,339,719,355	148,051,640	-	1,988,327,236	-
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh - phải thu cung cấp dịch vụ	trên 3 năm	65,089,486	-	trên 3 năm	65,089,486	-
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia - phải thu cung cấp dịch vụ	trên 3 năm	99,744,126	-	trên 3 năm	99,744,126	-
Navigator Marine Corp	trên 3 năm	1,875,682,463	-	trên 3 năm	1,823,493,624	-
CÔNG TY TNHH VẬN TẢI THƯƠNG MẠI & XUẤT NHẬP KHẨU KHÁNH HUY	Từ 6 tháng đến 1 năm	296,103,280	148,051,640	-	-	-
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI HÀ TRUNG	trên 3 năm	1,100,000	-	-	-	-
Phạm Trường Giang	trên 3 năm	2,000,000	-	-	-	-
Cộng		2,339,719,355	148,051,640		1,988,327,236	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1,988,327,236	2,046,094,315
Trích lập dự phòng bổ sung	203,340,479	59,978,218
Hoàn nhập dự phòng	-	(117,745,297)
Số cuối năm	2,191,667,715	1,988,327,236

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Dự phòng
	Giá gốc		Giá gốc	
Nguyên liệu, vật liệu	90,936,845,731		77,869,064,618	
Công cụ, dụng cụ	658,606,160		570,470,806	
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1,704,859,000			
Cộng	93,300,310,891		78,439,535,424	

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm chờ phân bổ	5,018,218,447	4,654,097,541
Chi phí đầu nhàn	6,418,121,988	5,919,311,413
Công cụ dụng cụ	201,722,734	985,337,518
Phí đường bộ	-	89,049,500
Chi phí thuê văn phòng	-	80,000,000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	7,969,356,519	637,825,747
Cộng	19,607,419,688	12,365,621,719

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lên đà tàu	124,261,670,266	44,009,411,043
Công cụ dụng cụ	11,264,069,913	9,215,239,517
Tiền thuê đất (*)	200,337,437,256	206,007,364,728
Chi phí trả trước dài hạn khác	6,584,818,303	2,842,117,119
Cộng	342,447,995,738	262,074,132,407

(*) Công ty TNHH Pan Hải An thuê đất diện tích 154.000 m2 trong Khu phi thuế quan và khu công nghiệp Nam Đình Vũ của Công ty Cổ phần Đầu tư Nam Đình Vũ (nay đổi tên thành “Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Sao Đỏ”) theo hợp đồng số 05.HĐTD/2017 ký ngày 25 tháng 10 năm 2017 để đầu tư xây dựng và kinh doanh kho bãi container cùng các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đầu tư, tổng giá trị hợp đồng chưa bao gồm thuế GTGT 10% là 235.301.990.000 VND, thời hạn thuê từ ngày ký hợp đồng đến ngày 06 tháng 5 năm 2059, tiền thuê đã được thanh toán toàn bộ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	462,879,710,735	354,702,713,161	2,587,743,167,572	5,381,241,899	39,663,744,218	3,450,370,577,585
Mua trong năm, đầu tư XDCB hoàn thành	73,173,517,322	10,730,817,702	663,276,113,998	2,928,593,336	-	750,109,042,358
Cộng dư đầu cty con	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(3,250,853,280)	-	-	(3,250,853,280)
Số cuối kỳ	536,053,228,057	365,433,530,863	3,247,768,428,290	8,309,835,235	39,663,744,218	4,197,228,766,663
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	192,196,420,839	284,530,758,937	544,365,269,081	3,913,642,144	18,601,593,134	1,043,607,684,135
Khấu hao trong năm	27,407,770,322	24,462,672,548	232,715,880,473	1,002,522,412	2,186,316,607	287,775,162,362
Cộng dư đầu cty con	-	-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2,717,503,549)	-	-	(2,717,503,549)
Số cuối kỳ	219,604,191,161	308,993,431,485	774,363,646,005	4,916,164,556	20,787,909,741	1,328,665,342,948
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	270,683,289,896	70,171,954,224	2,043,377,898,491	1,467,599,755	21,062,151,084	2,406,762,893,450
Số cuối kỳ	316,449,036,896	56,440,099,378	2,473,404,782,285	3,393,670,679	18,875,834,477	2,868,563,423,715

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Là các lô container 20' và 40' được Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (Công ty con) thuê mua.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	439,180,122,735	105,349,947,445	333,830,175,290
Thuê tài chính trong kỳ			
Số khấu hao trong kỳ		87,836,024,544	(87,836,024,544)
Số cuối kỳ	439,180,122,735	193,185,971,989	245,994,150,746

12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4,945,015,236	9,210,912,649	14,155,927,885
Mua trong năm	-	282,360,000	282,360,000
Cộng dư đầu cty con		-	-
Số cuối kỳ	4,945,015,236	9,493,272,649	14,438,287,885
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2,674,076,469	8,011,840,269	10,685,916,738
Cộng dư đầu cty con		-	-
Khấu hao trong năm	141,286,152	452,633,798	593,919,950
Số cuối kỳ	2,815,362,621	8,464,474,067	11,279,836,688
Cộng dư đầu cty con			
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2,270,938,767	1,199,072,380	3,470,011,147
Số cuối kỳ	2,129,652,615	1,028,798,582	3,158,451,197

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	2,843,920,474	680,630,650,208	(672,158,919,825)	-	11,315,650,857
Xây dựng cơ bản dở dang	20,386,725,141	52,969,839,319	(73,173,517,322)	-	183,047,138
Sửa chữa lớn tài sản cố định	22,184,061,011	132,229,171,947	-	(135,744,556,547)	18,668,676,411
Cộng	45,414,706,626	865,829,661,474	(745,332,437,147)	(135,744,556,547)	30,167,374,406

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	7,985,704,703	17,388,564,134
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	309,874,372	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	188,338,523	302,856,782
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức	252,317,720	6,397,035,123
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	23,337,720	49,725,000
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa Phương Thức	6,655,779,700	5,759,974,480
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	556,056,668	4,878,972,749
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	147,486,174,224	131,038,079,583
Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 (Cảng VICT)	9,646,078,233	6,580,605,650
Triton Container International Limited-Colle	1,787,362,071	2,287,801,944
Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng	3,524,973,676	2,494,260,809
PT INDOFUELS LIMITED	18,714,095,572	2,828,333,138
BMS United Bunkers (Asia) Limited	-	26,614,245,290
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Vosco	3,377,129,730	8,770,802,796
BEN LINE AGENCIES SINGAPORE PTE., LTD	-	25,212,439,376
Các nhà cung cấp khác	110,436,534,942	56,249,590,580
Cộng	155,471,878,927	148,426,643,717

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	976,415,726	1,358,601,123
Các khách hàng khác	976,415,726	1,358,601,123
Cộng	976,415,726	1,358,601,123

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1,712,274,962		33,936,470,530	(32,571,376,171)	3,077,369,321	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-		51,557,397,110	(51,557,397,110)	-	
Thuế xuất, nhập khẩu	-		419,068,029	(419,068,029)	-	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	112,529,289,070	17,714,618,877	97,399,058,111	(139,738,337,984)	81,520,064,258	35,744,068,142
Thuế thu nhập cá nhân	3,407,525,107		12,269,587,707	(12,427,616,144)	3,249,711,288	214,617
Thuế bảo vệ môi trường	-		458,261,000	(458,261,000)	-	
Tiền thuế đất	-		2,113,470,323	(2,113,470,323)	-	
Các loại thuế khác	-		7,848,306,414	(4,011,476,492)	3,836,829,922	
Cộng	117,649,089,139	17,714,618,877	206,001,619,224	(243,297,003,253)	91,683,974,789	35,744,282,759

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	8%-10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty mẹ được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (từ năm 2011 đến năm 2025) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm (từ năm 2011 đến năm 2014), giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023) theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6388338018 ngày 09 tháng 10 năm 2017 do Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng cấp, Công ty TNHH Pan Hải An nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động dịch vụ kho bãi và lưu giữ, bốc xếp hàng hóa với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đầu tư mới có doanh thu (từ năm 2018 đến năm 2032), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án đầu tư mới, trường hợp doanh nghiệp không có thu nhập chịu thuế trong ba năm đầu, kể từ năm đầu tiên có doanh thu từ dự án đầu tư thì thời gian miễn thuế tính từ năm thứ tư (từ năm 2021 đến năm 2024) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2025 đến năm 2033)

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	92,218,506,619	231,623,019,508
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(18,431,957,445)	(11,793,900,087)
Thuế TNDN phải nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	23,612,508,937	37,265,302,841
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	97,399,058,111	257,094,422,262

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuế đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	18,766,015,749	34,213,271,504
Chi phí khai thác tàu	9,474,956,914	10,183,348,458
Chi phí lãi vay phải trả	6,822,761,054	8,420,915,526
Chi phí mua đầu	-	14,586,892,800
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2,468,297,781	1,022,114,720
Cộng	18,766,015,749	34,213,271,504

18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu nhận trước tiền cho thuê tàu.

19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	76,170,255,187	134,126,651,806
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - lãi hợp tác kinh doanh	26,622,682,295	58,587,552,018
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - lãi hợp tác kinh doanh	35,216,065,701	55,087,087,492
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An -lãi hợp tác kinh doanh	11,492,203,539	19,972,012,296
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C-lãi hợp tác kinh doanh	2,299,303,652	
Thù lao HDQT, BKS	540,000,000	480,000,000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	32,115,551,751	35,185,684,779
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	20,948,484,834	28,409,241,900
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5,258,058,000	4,510,881,000
Kinh phí công đoàn	672,530,830	369,430,587
BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	43,253,337
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	76,845,600	667,045,600
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5,159,632,487	1,185,832,355
Cộng	108,285,806,938	169,312,336,585

19b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	187,625,260,000	177,740,000,000
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - phải trả về góp vốn BCC	82,200,000,000	82,200,000,000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà - phải trả về góp vốn BCC	77,100,000,000	77,100,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An - phải trả về góp vốn BCC	28,325,260,000	18,440,000,000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	70,000,000,000	70,000,000,000
Công ty Cổ phần đầu tư Sao Á D.C	50,000,000,000	50,000,000,000
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên	20,000,000,000	20,000,000,000
Cộng	257,625,260,000	247,740,000,000

Là khoản phải trả các bên về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh sau:

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn kinh đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con (“bên kiểm soát”) và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác là 05 năm kể từ ngày được đại diện theo ủy quyền đầy đủ của các bên ký hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD ngày 08 tháng 5 năm 2019 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác là 05 năm kể từ ngày được đại diện theo ủy quyền đầy đủ của các bên ký hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 68/HĐHTKD về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0101-2021/HĐHTKD ngày 11 tháng 01 năm 2021 về hợp tác góp vốn kinh đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Công ty con (“bên kiểm soát”) và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành. Thời gian hợp tác là 05 năm kể từ ngày được đại diện theo ủy quyền đầy đủ của các bên ký hợp đồng.

- Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02-2021/HĐHTKD về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

- Hợp đồng BCC số 03-2021 HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2021 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

- Hợp đồng BCC số 02-2022 HĐHTKD ngày 15 tháng 9 năm 2022 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty mẹ là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	70,380,344,181	56,520,339,315
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng	10,638,516,179	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam), Chi nhánh Hà Nội	59,741,828,002	27,107,033,336
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	-	29,413,305,979
Vay dài hạn đến hạn trả	187,833,403,250	167,536,408,207
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính	10,063,160,000	10,063,160,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	168,002,243,250	147,969,248,207
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch I Pantos Holdings Inc	-	-
	9,768,000,000	9,504,000,000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	93,193,606,440	93,650,030,912
Công ty BEACON INTERMODAL LEASING	-	30,791,454,750
CAI INTERNATIONAL, INC	45,081,859,680	13,992,252,120
SEACUBE CONTAINERS	13,192,074,720	13,870,090,080
SEACO GLOBAL LIMITED	14,023,282,680	14,745,763,862
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C	20,896,389,360	20,250,470,100
Cộng	351,407,353,871	317,706,778,434

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	56,520,339,315	167,536,408,207	93,650,030,912	317,706,778,434
Số tiền vay phát sinh trong	163,085,226,357	-	-	163,085,226,357

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

năm

Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	239,693,418,205	88,579,195,968	328,272,614,173
Số tiền vay đã trả trong năm	(154,146,221,491)	(214,475,423,162)	(91,395,978,489)	(460,017,623,142)
Tăng giảm cho chênh lệch tỷ giá	-	-	2,360,358,049	2,360,358,049
Số cuối kỳ	65,459,344,181	192,754,403,250	93,193,606,440	351,407,353,871

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	863,496,472,693	750,161,178,533
Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội Sở chính (i)	5,031,570,000	15,094,730,000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (iii)	813,116,690,328	716,058,448,533
Pantos Holdings Inc (ii)	9,768,000,000	19,008,000,000
Zim Intergrated Shipping Services Ltd	35,580,212,365	-
Nợ thuê tài chính dài hạn	171,895,929,447	254,262,199,252
BEACON INTERMODAL LEASING	-	82,836,114,480
CAI INTERNATIONAL, INC	76,342,463,340	34,061,947,081
SEACO GLOBAL LIMITED	25,479,019,698	37,230,195,144
SEACUBE CONTAINERS	21,579,996,247	32,703,777,852
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C	48,494,450,162	67,430,164,695
Cộng	1,035,392,402,140	1,004,423,377,785

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Vay ngân hàng TMCP Bảo Việt - Hội sở chính theo hợp đồng cấp tín dụng trung dài hạn 0056-2020-HDDTD-BVB007 ngày 17/07/2020 để đầu tư dự án tàu container Stellar Willemstadt thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 3 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả theo tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu HaiAn View.
- (ii) Vay không có tài sản đảm bảo Pantos Holding Incorporation theo Hợp đồng vay số 01/HĐVV/PANTOS-PANHAIAN ngày 06/03/2020 với số tiền 2.000.000 USD; để bổ sung vốn thực hiện giai đoạn II của Dự án Trung tâm Logistics Pantos - Hải An với lãi suất cố định 5%/năm. Thời hạn khoản vay là 05 năm kể từ ngày đầu tiên nhận khoản vay.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby (HaiAn Mind); thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 02 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardelt GmbH, 5 đầu kéo và 5 somi romooc, tàu Hai An Link và tàu VNL Ruby.
 - Vay để thực hiện Dự án đầu tư tàu container do bên vay làm chủ đầu tư với lãi suất được điều chỉnh 3 tháng/lần, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp tài sản sau đầu tư từ nguồn vốn vay và vốn tự có là Tàu Container HaiAn East.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 01.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 09/04/2021 để đầu tư Dự án tàu container Hansa Cloppenburg (Haiian West); thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Gốc và lãi vay trả 3 tháng/lần. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản thế chấp còn hiệu lực tại VCB và tàu Haiian West được hình thành.
 - Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 02.2021/HĐCV/VCB-XDHA ngày 19/05/2021 để đầu tư 02 xe nâng Karmal (H14+15); thời hạn vay 60 tháng. Gốc và lãi vay trả 3 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng thế chấp tài sản sau đầu tư.
 - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư tàu Container MARINE BIA số 01.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 25/03/2022, số tiền vay tối đa là 341.950.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng (5 năm) kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên là ngày 25/03/2022. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng /lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 25/09/2022. Khoản vay được bảo đảm bằng tàu HAIAN CITY.
 - Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư tàu Container A KIBO số 02.2022/HĐCV/VCB-XDHA ngày 08/11/2022, số tiền vay tối đa là 280.000.000.000 VND, thời hạn vay 60 tháng (5 năm) kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên là ngày 08/11/2022. Nợ gốc và lãi được thanh toán 3 tháng /lần, kỳ trả nợ đầu tiên là ngày 08/05/2023. Khoản vay được bảo đảm bằng tàu HAIAN ROSE.
 - Hợp đồng vay số 01/2018/VCB-PANHAIAN ngày 12/09/2018 để thực hiện Dự án Logistics Pantos- Hải An số tiền vay tối đa là 300 tỷ đồng, thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn là 6 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành trong tương lai thuộc Dự án (bao gồm: Tài sản gắn liền với đất, máy móc, thiết bị/ xe máy chuyên dùng, phương tiện vận tải).
- (iv) Thuê tài chính Công ty Beacon Intermodal Leasing LLC theo hợp đồng Lease Schedule No. HCT-002 ngày 01/11/2019 để thực hiện Dự án Thuê mua Tài chính TSCĐ hữu hình lô 300 container 40HC (với tổng giá trị thuê 05 năm từ ngày 01 tháng 02 năm 2020 là 1.090.719 USD tương đương 25.419.206.295 VND). Thời hạn thuê 60 tháng kể từ 01/02/2020. Hợp đồng số HCT-003 ký ngày 14/04/2021, 300cont 40 HC thời hạn 5 năm, thời gian thuê từ ngày 1/08/2021 giá trị 52.729.895.933 tương đương 2.306.645 USD. Kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại toàn bộ lô 300 container 40HC của bên cho thuê với giá 1USD/cont.

Thuê tài chính Công ty Seacube container LLC theo hợp đồng Lease Schedule No. HATS001 ngày 12/11/2020 để thực hiện Dự án Thuê mua Tài chính TSCĐ hữu hình lô 300 container 40HC và 300 container 20HC (với tổng giá trị thuê 05 năm từ ngày 01 tháng 07 năm 2021 là 2.683.779 USD tương đương 61.351.197.349 VND). Thời hạn thuê 60 tháng kể từ 01/07/2021. Kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại toàn bộ lô 600 container 40HC và 20HC của bên cho thuê với giá 1USD/cont.

Thuê tài chính Công ty Conatiner Applications Limited theo hợp đồng Lease Schedule No. HAIN-550 ngày 12/05/2021 để thực hiện Dự án Thuê mua Tài chính TSCĐ hữu hình lô 300 container 20HC và 200 container 40HC (với tổng giá trị thuê 05 năm từ ngày 01 tháng 04 năm 2021 là 2.714.387 USD tương đương 62.005.833.117 VND). Thời hạn thuê 60 tháng kể từ 01/07/2021. Kết thúc thời hạn thuê, Công ty sẽ mua lại toàn bộ lô 500 container 40HC và 20HC của bên cho thuê với giá 1USD/cont.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	281,027,009,690	261,186,439,119
Trên 1 năm đến 5 năm	917,392,402,140	985,563,007,605
Trên 5 năm	118,000,000,000	18,860,370,180
Cộng	1,316,419,411,830	1,265,609,816,904

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn các tổ chức khác	Vay dài hạn ngân hàng	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	19,008,000,000	731,153,178,533	254,262,199,252	1,004,423,377,785
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	35,580,212,365	316,984,500,000	-	352,564,712,365
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(9,704,000,000)	(229,989,418,205)	(82,366,269,805)	(322,059,688,010)
CLTG đánh giá lại cuối kỳ	464,000,000	-	-	464,000,000
Số cuối năm	45,348,212,365	818,148,260,328	171,895,929,447	1,035,392,402,140

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến tiền bồi thường hàng hỏng.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng phúc lợi	46,986,483,407	50,357,362,985	(7,447,302,400)	89,896,543,992
Quỹ Hội đồng quản trị, ban điều hành	20,517,244,434	20,241,000,000	(6,692,000,000)	34,066,244,434
Cộng	67,503,727,841	70,598,362,985	(14,139,302,400)	123,962,788,426

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số đầu năm trước	487,827,510,000	191,640,648,159	280,492,385,617	591,761,088,614	350,308,330,027	1,902,029,962,417
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	195,130,660,000	-	-	(195,130,660,000)	-	-
Tăng vốn trong năm - ESOP	20,488,500,000	-	-	-	-	20,488,500,000
Tăng do mua Công ty con	-	-	-	-	31,988,452,205	31,988,452,205
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	821,937,122,836	218,856,110,867	1,040,793,233,703
Trích lập các quỹ	-	-	110,056,396,973	(144,414,676,368)	(5,438,412,476)	(39,796,691,871)
Chia cổ tức năm 2019	-	-	-	(48,782,751,000)	(19,800,000,000)	(68,582,751,000)
Số dư cuối năm trước	703,446,670,000	191,640,648,159	390,548,782,590	1,025,370,124,082	575,914,480,623	2,886,920,705,454
Số dư đầu năm nay	703,446,670,000	191,640,648,159	390,548,782,590	1,025,370,124,082	575,914,480,623	2,886,920,705,454
Tăng vốn bằng tiền	-	-	-	-	22,593,900,000	22,593,900,000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	351,722,140,000	-	-	-	-	351,722,140,000
Tăng/giảm khác do tính lại tỷ lệ sở hữu	-	-	3,591,785,961	59,384,424,412	(24,209,444,927)	38,766,765,446
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	384,900,627,309	(13,669,356,980)	371,231,270,329
Trích lập các quỹ	-	-	269,433,187,987	(329,507,222,784)	(10,524,328,188)	(70,598,362,985)
Cổ tức, lợi nhuận chi trả trong kỳ	-	-	-	(387,284,595,800)	(27,237,544,200)	(414,522,140,000)
Số dư cuối kỳ	1,055,168,810,000	191,640,648,159	663,573,756,538	752,863,357,219	522,867,706,328	3,186,114,278,244

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23b. Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của chủ sở hữu	1,055,168,810,000	703,446,670,000
Thặng dư vốn cổ phần	191,640,648,159	191,640,648,159
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cộng	1,246,809,458,159	895,087,318,159

23c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	105,516,881	70,344,667
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	105,516,881	70,344,667
- Cổ phiếu phổ thông	105,516,881	70,344,667
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	105,516,881	70,344,667
- Cổ phiếu phổ thông	105,516,881	70,344,667
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 0106-2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng tiền	: 0
• Chia cổ tức cho các cổ đông bằng cổ phiếu	: 351,723,330,000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 202,411,000,000
• Trích quỹ Hội đồng quản trị	: 20,241,000,000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 26,988,000,000

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	2,008,332.84	5,918,222.65
Euro (EUR)	258.61	269.07

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	90,899,629,855	77,014,143,543
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	702,026,416,453	804,707,065,353
Doanh thu hoạt động khác	123,998,795,547	160,117,677,213
Loại trừ nội bộ	(252,160,540,239)	(196,473,430,814)
Cộng	664,764,301,616	845,365,455,295

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác cảng, khai thác tàu và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	6,566,612,786	7,905,699,276
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	27,226,926,617	56,509,618,309
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh	47,857,037	255,079,548
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Sao Á D.C	62,101,011	
Chi nhánh Công ty TNHH "K"Line (Việt Nam) tại TP Hải Phòng		1,346,945,779

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Giá vốn của hoạt động cảng	49,630,833,432	44,634,530,752
Giá vốn của hoạt động tàu	661,248,369,146	615,110,654,951
Giá vốn hoạt động khác	91,624,215,515	110,445,779,750
Loại trừ nội bộ	(250,886,601,416)	(195,701,160,884)
Cộng	551,616,816,677	574,489,804,569

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	6,429,923,304	6,270,973,671
Lãi tiền cho vay	-	3,858,575,344
Cổ tức, lợi nhuận được chia	180,044,000	30,000,000,000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	(2,436,696,648)	4,967,835,060
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2,768,620,878	(1,221,958,763)
Cộng	6,941,891,534	43,875,425,312

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	16,769,888,733	20,272,785,462
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	1,026,712,962	1,898,472,004
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6,509,162,639	14,162,137,524
Chênh lệch đánh giá lại khoản mục đầu tư	-	16,134,840,338
Cộng	<u>24,305,764,334</u>	<u>52,468,235,328</u>

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	20,530,886,226	15,520,301,472
Chi phí vật liệu quản lý	558,343,792	440,169,619
Chi phí đồ dùng văn phòng	557,434,464	440,542,461
Chi phí khấu hao tài sản cố định	829,779,736	515,492,349
Thuế, phí và lệ phí	32,530,996	32,428,010
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(36,642,145)	21,420,792
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3,033,850,452	2,853,876,558
Các chi phí khác	7,791,537,312	11,789,694,036
Cộng	<u>33,297,720,833</u>	<u>31,613,925,297</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	82,879,547	-
Tiền bồi thường	5,060,562,195	352,045,776
Xử lý công nợ	26,487,279	1,289,366,392
Thu nhập khác	1,979,694,839	79,704,695
Cộng	<u>7,149,623,860</u>	<u>1,721,116,863</u>

7. Chi phí khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	9,920,389,591	178,928
Chi khắc phục tổn thất tàu	-	120,750,000
Phạm vi phạm hành chính	-	18,099,886
Xử lý công nợ	14,573,139	26,270,320
Chi phí khác	41,602,654	304,622,479
Cộng	<u>9,976,565,384</u>	<u>469,921,613</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	384,900,627,309	821,937,122,836
Trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT (i)	(29,612,000,000)	(47,229,000,000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	355,288,627,309	774,708,122,836
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	105,517,000	103,692,682
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3,367	7,471

- (i) Quỹ khen thưởng, quỹ Hội đồng quản trị năm 2023 được tạm tính bằng tỷ lệ trích quỹ khen thưởng, quỹ HDQT theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 ngày 20 tháng 6 năm 2023 (7%) trên lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ.

Số lượng cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	70,344,667	48,782,751
Ảnh hưởng của việc phát hành 2.048.850 cổ phiếu phổ thông cho người lao động tháng 11 năm 2022		224,532
Ảnh hưởng của trả 35.172.333 cổ tức bằng cổ phiếu ngày 8/8/2023	35,172,333	35,172,333
Ảnh hưởng của việc trả cổ tức bằng 19.513.066 cổ phiếu phổ thông ngày 01/7/2022		19,513,066
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	105,517,000	103,692,682

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	790,566,512,726	663,077,925,656
Chi phí nhân công	268,433,117,190	227,542,715,691
Chi phí khấu hao tài sản cố định	370,419,348,901	278,066,256,436
Chi phí dịch vụ mua ngoài	383,298,077,609	583,263,891,046
Chi phí khác	314,284,478,770	145,679,433,909
Cộng	2,127,001,535,196	1,897,630,222,738

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch và không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Kỳ này	Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng	Cộng
Ông Vũ Ngọc Sơn – Nguyên Chủ tịch HĐQT	1,658,904,615	120,000,000	2,355,945,940	4,134,850,555
Ông Vũ Thanh Hải – Chủ tịch HĐQT	1,537,720,000	120,000,000	1,126,867,406	2,784,587,406
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	1,305,191,200	120,000,000	1,049,865,600	2,475,056,800
Ông Phạm Quang Khánh – Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	969,693,600		493,105,729	1,462,799,329
Ông Vũ Doãn Hạnh- Phó Tổng Giám đốc	924,570,000		455,690,609	1,380,260,609
Bà Trần Thị Thanh Hào - Kế toán trưởng	643,531,489		327,354,088	970,885,577
Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT		120,000,000	290,000,000	410,000,000
Ông Trần Tiến Dũng - Thành viên HĐQT				
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT		120,000,000	290,000,000	410,000,000
Ông Nguyễn Đức Kiên - Thành viên HĐQT				
Ông Nguyễn Văn Trúc - Thành viên HĐQT				
Bà Nguyễn Thị Vân- Thành viên HĐQT	435,730,000	120,000,000	455,130,000	1,010,860,000
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát		60,000,000	104,000,000	164,000,000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát		60,000,000	66,000,000	126,000,000
Ông Bùi Việt Phương - Thành viên Ban kiểm soát				
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát		60,000,000	66,000,000	126,000,000
	7,475,340,904	900,000,000	7,079,959,372	15,455,300,276

Kỳ trước	Tiền lương	Thù lao	Tiền thưởng	Cộng thu nhập
Ông Vũ Ngọc Sơn – Chủ tịch HĐQT	1,860,738,462	120,000,000	1,537,589,939	3,518,328,401
Ông Vũ Thanh Hải – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	1,176,240,000	120,000,000	1,053,591,174	2,349,831,174
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn – Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	939,891,400	120,000,000	802,410,900	1,862,302,300

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ông Trần Quang Tiến - Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc		120,000,000	90,000,000	210,000,000
Bà Trần Thị Hải Yến - Thành viên HĐQT		120,000,000	90,000,000	210,000,000
Bà Nguyễn Thị Vân - Thành viên HĐQT	415,150,000	133,200,000	239,200,000	787,550,000
Ông Phạm Quang Khánh - Phó Tổng Giám đốc	1,268,074,987			1,268,074,987
Ông Vũ Doãn Hạnh - Phó Tổng Giám đốc	761,760,000		495,382,404	1,257,142,404
Ông Trần Tiến Dũng - Phó Tổng Giám đốc	314,400,000		84,965,277	399,365,277
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Trưởng Ban kiểm soát	25,000,000	60,000,000	72,000,000	157,000,000
Bà Trần Thị Thơm - Thành viên Ban kiểm soát		60,000,000	36,000,000	96,000,000
Ông Nguyễn Xuân Lộc - Thành viên Ban kiểm soát		60,000,000	36,000,000	96,000,000
Bà Trần Thị Thanh Hào - Kế toán trưởng	620,050,000		406,218,964	1,026,268,964
	7,381,304,849	913,200,000	4,943,358,658	13,237,863,507

1a. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty TNHH liên doanh Zim Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty con của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty con của Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần vận tải biển An Biên	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần Cung ứng và Dịch vụ kỹ thuật hàng hải	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Quĩ TM Holding	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2a cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Trả cổ tức		5,567,500,000
Chi phí thuê văn phòng	2,813,933,101	3,593,588,486
Nhận vốn góp BCC		27,100,000,000
Trả lại vốn góp BCC		-
Chia lợi nhuận BCC	55,697,669,449	70,087,087,492
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Trả cổ tức	27,046,500	1,722,060,000
Nhận vốn góp BCC		45,200,000,000
Trả góp vốn BCC		-
HACT chia lợi nhuận	5,200,000,000	5,200,000,000
Chia lợi nhuận BCC	59,244,554,308	58,587,552,018
Sử dụng dịch vụ	31,889,521,839	33,526,364,769
Chia lãi	4,500,000,000	-
Lãi cho vay		84,821,917
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Sử dụng dịch vụ cty liên kết		-
HACT sử dụng dịch vụ đại lý	71,060,705	342,555,560
Chi nhánh Công ty TNHH vận tải và đại lý vận tải đa phương thức tại TP. Hồ Chí Minh		
HATS sử dụng dịch vụ	98,181,822	57,272,725
Sử dụng dịch vụ	33,979,216,699	33,176,226,110
Công ty cổ phần đầu tư Sao Á D.C		
Sao Á D.C chuyển lỗ tàu HAC	17,853,745,525	
Sử dụng dịch vụ	20,569,725,840	15,803,564,170

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.6a, V.14, V.18.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Loại trừ nội bộ	Cộng
Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	320,829,169,605	2,774,592,750,858	487,313,720,721	(970,045,907,526)	2,612,689,733,658
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	320,829,169,605	2,774,592,750,858	487,313,720,721	(970,045,907,526)	2,612,689,733,658
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	147,800,377,249	334,875,782,384	133,456,101,291	(5,111,685,012)	611,020,575,912
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(125,332,377,450)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					485,688,198,462
Doanh thu hoạt động tài chính					30,087,417,514
Chi phí tài chính					(83,670,942,449)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					28,355,754,215
Thu nhập khác					14,143,023,915
Chi phí khác					(11,153,674,709)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(92,218,506,619)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					371,231,270,329
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	55,035,434,544	839,039,052,648	12,059,986,970	-	906,134,474,162
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	27,767,835,448	382,432,120,680	34,675,665,516		444,875,621,644
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)					
Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	326,929,385,436	3,212,126,917,048	456,223,748,255	(789,669,984,575)	3,205,610,066,164
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	326,929,385,436	3,212,126,917,048	456,223,748,255	(789,669,984,575)	3,205,610,066,164
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	144,790,083,891	1,133,654,521,603	147,552,919,139	-4,252,747,341	1,421,744,777,292
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(113,764,933,866)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					1,307,979,843,426
Doanh thu hoạt động tài chính					38,702,889,553
Chi phí tài chính					(76,323,593,746)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết					29,339,272,188
Thu nhập khác					5,603,455,788
Chi phí khác					(32,885,613,998)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(231,623,019,508)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</i>				<u>1,040,793,233,703</u>
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>	<u>18,161,932,963</u>	<u>1,511,362,985,240</u>	<u>1,878,712,987</u>	<u>1,531,403,631,190</u>
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	<u>23,916,262,366</u>	<u>174,163,695,995</u>	<u>20,137,240,532</u>	<u>218,217,198,893</u>
<i>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</i>				

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Hoạt động khai thác cảng</u>	<u>Hoạt động khai thác tàu</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>218,915,068,295</u>	<u>4,116,828,099,898</u>	<u>640,236,837,736</u>	<u>4,975,980,005,929</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>393,132,421,144</u>
Tổng tài sản				<u>5,369,112,427,073</u>
Nợ phải trả				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>33,349,191,530</u>	<u>1,604,195,437,161</u>	<u>343,166,426,214</u>	<u>1,980,711,054,905</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>202,287,093,924</u>
Tổng nợ phải trả				<u>2,182,998,148,829</u>
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	<u>200,060,158,880</u>	<u>3,271,400,971,792</u>	<u>694,374,677,284</u>	<u>4,165,835,807,956</u>
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				<u>883,583,689,120</u>
Tổng tài sản				<u>5,049,419,497,076</u>
Nợ phải trả				
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	<u>24,449,683,398</u>	<u>1,157,092,351,843</u>	<u>604,702,106,297</u>	<u>1,786,244,141,538</u>
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				<u>376,254,650,084</u>
Tổng nợ phải trả				<u>2,162,498,791,622</u>

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ IV

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ báo cáo yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 29 tháng 01 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Ngọc Tuấn

